TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày: 29-7-2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Ông Trần Xươnne

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1/ Võ Tấn L, sinh năm 1992 tại xã T, huyện K, tỉnh S.

Nơi cư trú: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh Só; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1956 và bà Trà Thị Đ, sinh năm 1963; có vợ và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S, sau đó có vợ, sinh sống cùng gia đình cho đến ngày 08/9/2017 thì thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 14/7/2017, nhưng do bị cáo bỏ trốn nên đến ngày 28/12/2017 Cơ quan cảnh sát điêu tra Công an huyện Kế Sách truy nã bị cáo. Đến ngày 31/03/2020, bị cáo ra đầu thú; bị cáo bị khởi tố điều tra tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2020 đến nay. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Lý Bình Đ– Luật sư – Công ty luật B– Đoàn luật sư thành phố C.

- *Bị hại:*

Ông Võ Văn D, sinh năm 1958. (có mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

Ông Võ Văn Q, sinh năm 1969. (có mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng:

1/ Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1983. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

2/ Anh Nguyễn Văn Sậu, sinh năm 1985. (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn A, huyện Kế, tỉnh S.

3/ Bà Trà Thị Đ (Đ), sinh năm 1963. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

4/ Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1963. (có mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

5/ Chị Hồ Thị Bích T, sinh năm 1993. (có mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

6/ Chị Võ Thị Mai, sinh năm 1983. (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn A, huyện Kế, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi đã uống rượu, bia xong, vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/9/2017, bị cáo Võ Tấn L cầm 01 cây dao (loại dao yếm) từ nhà của anh Võ Tấn Anh (anh ruột của bị cáo) đi đến nhà của ông Võ Văn D để tìm con của ông D là anh Võ Phước T và anh Võ Phước H để nói chuyện. Do anh T và anh H không có ở nhà nên bị cáo L chỉ gặp ông D và vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ A, từ đó, bị cáo L đã dùng dao rượt đuổi chém bà Mỹ A nhưng không trúng, sau đó, bị cáo tiếp tục rượt đuổi ông D, bị cáo dùng dao yếm cầm trên tay phải chém 01 cái trúng vào tay phải và 01 cái trúng vào trán bên phải của ông D gây thương tích.

Do ông D vừa chạy vừa la lang nên ông Võ Văn Q chạy qua lấy 01 cái ráo múc nước dựng đánh vào người của bị cáo L. Lúc này Lợi không chém ông D nữa mà quay sang rượt đuổi chém ông Q trúng vào tay trái của ông.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ Một khúc tre khô dài 105cm, tròn 09cm;

+ Một khúc tre khô dài 62cm, tròn 09cm;

+ Một ráo múc nước bằng kim loại, đường kính 72cm màu xám, phía trên có khúc tre khô dài 34cm, tròn 09cm, phía hai đầu ráo nước được cột hai đầu dây chì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã tiến hành niêm phong, hiện đang gửi giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đối với 01 cây dao (loại dao yếm) được bị cáo L sử dụng để gây thương tích cho các bị hại do bị cáo đã ném bỏ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách không thu hồi được.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 180/TgT-PY ngày 29/9/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận thương tích của bị hại Võ Văn D như sau: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (mười bốn phần trăm). Tổn thương vùng trán là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương cơ delta phải gây ảnh hưởng chức năng dang tay và xoay vai phải.

Đối với bị hại Võ Văn Q do không có yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với thương tích do bị cáo L gây ra nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách không tiến hành trưng cầu giám định được.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-HKS ngày 17/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo Võ Tấn L về tội sau:

+ Tội "Cố ý gây thương tích" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên Tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về các hành vi của bị cáo Võ Tấn L đã đủ yếu tố cấu thành các tội "Cố ý gây thương tích". Do bị cáo có nhiều hơn 02 tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Đề nghị tuyên bố bị cáo Võ Tấn L đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Võ Tấn L đã bồi thường cho ông Võ Văn D số tiền 14.420.000 đồng, bồi thường cho ông Võ Văn Q số tiền 604.000 đồng. Ông Q và ông D không yêu

cầu bị cáo L phải tiếp tục bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết.

Những vật chứng gồm:

+ Một khúc tre khô dài 105cm, tròn 09cm;

+ Một khúc tre khô dài 62cm, tròn 09cm;

+ Một ráo múc nước bằng kim loại, đường kính 72cm màu xám, phía trên có khúc tre khô dài 34cm, tròn 09cm, phía hai đầu ráo nước được cột hai đầu dây chì.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Riêng 01 cây dao (loại dao yếm) được bị cáo L sử dụng để gây thương tích cho các bị hại do bị cáo đã ném bỏ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách không thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Đối với thương tích của ông Võ Văn Q do bị cáo L gây ra, do ông không có yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, người bào chữa cho bị cáo thống nhất theo nội dung bản cáo trạng mà Đại diện Viện kiểm sát công bố. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu. Bên cạnh đó, bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại xong. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ khác là tự ra đầu thú. Ngoài ra, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, có ông ngoại là liệt sĩ, đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, điểm s, điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến xử lý vật chứng mà Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra.

Bị cáo Võ Tấn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên.

Bị cáo Võ Tấn L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sớm về với gia đình và xã hội khi thực hiện quyền nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng là bà Đặng Thị Đào và bà Trà Thị Điếc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, những người làm chứng có tên nêu trên đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, những lời khai này cũng phù hợp với các lời khai của bị cáo và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử đồng thời sẽ công bố các lời khai của người làm chứng trong quá trình tranh tụng tại phiên Tòa là phù hợp theo tại khoản 1 Điều 293, điểm d, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Võ Tấn L công nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng, đồng thời bị cáo cũng khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/9/2017, bị cáo đã có hành vi dùng cây dao (loại dao yếm) là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Võ Văn D và ông Võ Văn Q. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 180/TgT-PY ngày 29/9/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận thương tích của bị hại Võ Văn D như sau: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (mười bốn phần trăm). Tổn thương vùng trán là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương cơ delta phải gây ảnh hưởng chức năng dang tay và xoay vai phải. Từ những nhận định nêu trên, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Tấn L đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hằng ngày với người khác, không có liên quan gì đến các bị hại nhưng vì một lúc nông nổi, không kiềm chế được cảm xúc bốc đồng, bị cáo đã có hành vi dùng cây dao (loại dao yếm) gây thương tích tại nhiều phần cơ thể của các bị hại, đặt biệc là ở những vị trí gây nguy hiểm đến tình mạng đối với bị hại Dũng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác nên cần phải áp dụng một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với những hành vi phạm tội của bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi

phạm pháp luật nên thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Võ Văn D số tiền 14.420.000 đồng (bút lục 129-130), bồi thường thiệt hại cho ông Võ Văn Q số tiền 604.000 đồng – bút lục 166) và các bị hại không ai có yêu cầu gì thêm và cũng có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời để thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật Hình sự Việt Nam, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Mặc dù, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có hành vi bỏ trốn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã ra quyết định truy nã bị cáo, nhưng cần phải thấy rằng, do bị cáo lo sợ và nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo mới có hành vi bỏ trốn nêu trên. Nhưng sau đó, bị cáo đã tự nguyện về đầu thú, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, gia đình bị cáo có ông ngoại Trà Văn Bưởi là liệt sĩ, đây là người có công với nước mà bị cáo là cháu ruột. Bên cạnh đó, bị cáo là người có nhân thân tốt do chưa từng có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi dưỡng con nhỏ dưới 02 tuổi. Đây là những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Đối với thương tích của ông Võ Văn Q do bị cáo L gây ra, do ông Q không có yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Võ Văn D đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 14.420.000 đồng và ông Võ Văn Q đã nhận số tiền bồi thường là 604.000 đồng xong. Do ông D và ông Q không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm:

+ Một khúc tre khô dài 105cm, tròn 09cm;

+ Một khúc tre khô dài 62cm, tròn 09cm;

+ Một ráo múc nước bằng kim loại, đường kính 72cm màu xám, phía trên có khúc tre khô dài 34cm, tròn 09cm, phía hai đầu ráo nước được cột hai đầu dây chì.

Xét thấy, đây là vật không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy.

Riêng cây dao (loại dao yếm) được bị cáo L sử dụng để gây thương tích cho các bị hại do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để đặt ra giải quyết.

[7] Xét lời bào chữa của luật sư cho bị cáo tại phiên Tòa là có căn cứ phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Võ Tấn L không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định.

[9] Xét các lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách thực hành quyền công tố tại phiên Tòa là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Võ Tấn L đã phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 293, điểm d, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 2 Điều 134; Điều 38, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Tấn L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2/ Về vấn đề dân sự:

Ông Võ Văn D đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 14.420.000 đồng. Do ông D không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Võ Văn Q đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 604.000 đồng. Do ông Q không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về vật chứng:

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng sau:

+ Một khúc tre khô dài 105cm, tròn 09cm;

+ Một khúc tre khô dài 62cm, tròn 09cm;

+ Một ráo múc nước bằng kim loại, đường kính 72cm màu xám, phía trên có khúc tre khô dài 34cm, tròn 09cm, phía hai đầu ráo nước được cột hai đầu dây chì.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/6/2020).

4/ Về án phí

Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Võ Tấn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *CQĐT Công an huyện Kế Sách;*
- *Nhà tạm giữ Công an huyện Kế Sách;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cơ quan THA hình sự huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**